

Số: 133/BC-TKT

Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Năm và 5 tháng đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Hoạt động sản xuất nông, lâm và thủy sản trong tháng Năm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh tiếp tục duy trì ổn định. Hiện nay lúa vụ Đông Xuân năm 2026 trên địa bàn tỉnh cơ bản đã thu hoạch xong, bà con nông dân đang tích cực xuống giống gieo trồng mùa vụ mới. Chăn nuôi tiếp tục phát triển theo hướng an toàn sinh học, các địa phương tăng cường kiểm soát dịch bệnh, chủ động tái đàn phù hợp với điều kiện thực tế. Hoạt động nuôi trồng thủy sản tiếp tục được mở rộng theo hướng thâm canh, nâng cao hiệu quả sản xuất tại các vùng nuôi trọng điểm.

1.1. Sản xuất nông nghiệp

a. Trồng trọt

Trong tháng Năm hoạt động trồng trọt trên địa bàn tỉnh tập trung chủ yếu vào thu hoạch lúa vụ Xuân. Tuy nhiên, thời tiết diễn biến thất thường với các hiện tượng nắng nóng xen kẽ mưa trái mùa, đông lạnh và gió mạnh tiếp tục tiềm ẩn nhiều rủi ro cho sản xuất nông nghiệp.

Kết quả gieo trồng vụ Xuân (đến ngày 20/5/2026)



Tiến độ gieo trồng vụ Xuân 2026: Tổng diện tích gieo, cấy lúa toàn tỉnh ước đạt 58.611 ha/59.152 ha, đạt 99,13% kế hoạch, bằng 98,88%, giảm 665 ha so với cùng kỳ năm trước, giảm do có 300 ha diện tích chuyển đổi sang xây dựng khu công nghiệp Vinhomes và có 434 ha chuyển sang trồng cây hàng năm khác. Trong mùa vụ này đã triển khai nhiều phương pháp mới trong sản xuất lúa, mang lại hiệu quả tích cực. Toàn tỉnh có khoảng 4.300 ha áp dụng công nghệ tưới ngập - khô xen kẽ (AWD) và hơn 150 ha thí điểm sản xuất giảm phát thải gắn với thâm canh lúa cải tiến (SRI). Kết quả sản xuất, gieo trồng cây hàng năm khác đạt khá¹.

Tình hình sâu bệnh, thiệt hại: Bệnh khô vằn, đốm lá gây hại trên trà ngô xoắn nõn - phát triển bấp, diện tích nhiễm 30 ha; bệnh đốm nâu gây hại trên cây lạc với

¹ Cây ngô ước đạt 7.142,54 ha/6.403 ha, đạt 111,55% KH; cây lạc ước đạt 4.889,72 /5.628 ha, bằng 86,82% KH; khoai lang ước đạt 1.419,02 /1.415 ha, bằng 100,2% KH; rau các loại: 5.834,65 /5.807 ha bằng 100,47% KH

ti lệ phổ biến 10-15%, diện tích nhiễm 25 ha.

b. Chăn nuôi

Chăn nuôi tháng 5 năm 2026

So với cùng kỳ năm trước



Tình hình chăn nuôi trong tháng trên địa bàn vẫn còn gặp nhiều khó khăn khi chi phí chăn nuôi vẫn đang ở mức cao, bên cạnh đó tình hình dịch bệnh đang diễn biến khá phức tạp. Chăn nuôi gia súc lớn có xu hướng giảm, trong khi chăn nuôi lợn và gia cầm cơ bản ổn định và tăng nhẹ, đây là sự chuyển dịch cơ cấu vật nuôi tất yếu trên địa bàn. Chăn nuôi trâu, bò hiệu quả kinh tế không cao nên người dân hạn chế tái đàn; trong khi đó, chăn nuôi lợn, gia cầm có chu kỳ sinh trưởng ngắn hơn, thời gian quay vòng vốn nhanh, dễ thích ứng thị trường, phù hợp với điều kiện sản xuất hiện tại nên tiếp tục được duy trì².

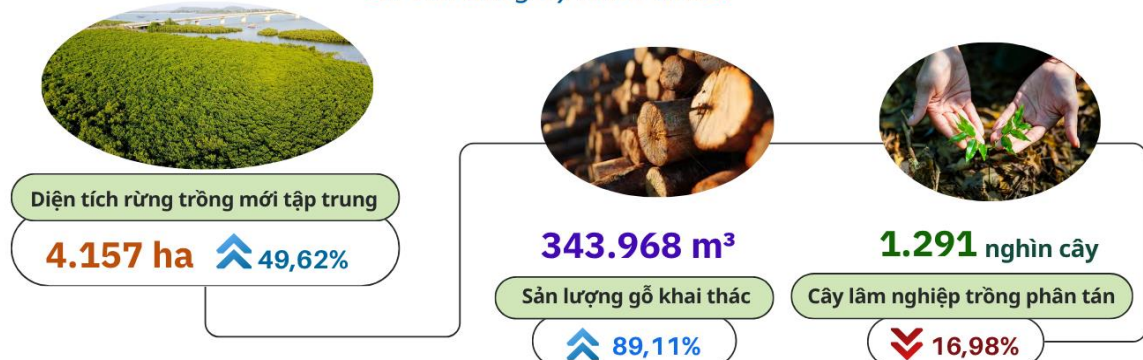
Tình hình dịch bệnh, thiệt hại: Trong tháng tính đến ngày 20/5/2026 dịch tả lợn châu Phi xảy ra tại một địa phương làm cho 129 con lợn mắc bệnh chết, tiêu hủy với khối lượng 9.328 kg. Dịch Viêm da nổi cục xảy ra tại 3 xã Kỳ Xuân, Kỳ Văn, Hương Xuân làm cho 13 con bò mắc bệnh.

Lũy kế từ đầu năm đến nay, dịch tả lợn châu Phi đã xảy ra tại 31 xã/phường làm 1.567 con lợn mắc bệnh chết, tiêu hủy với khối lượng 132.044 kg; Dịch Viêm da nổi cục xảy ra tại 3 xã làm 25 con bò mắc bệnh trong đó chết, tiêu hủy 5 con với khối lượng 660 kg.

1.2. Sản xuất lâm nghiệp

Lâm nghiệp 5 tháng đầu năm 2026

So với cùng kỳ năm trước



Trong tháng Năm hoạt động lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh diễn ra cơ bản ổn

² Đàn trâu hiện có 46.187 con (giảm 28,88%); đàn bò 127.155 con (giảm 20,72%); Đàn lợn 352.426 con, (tăng 2,03%); đàn gia cầm 10.062 ngàn con, (tăng 0,47%), trong đó đàn gà có 8.605 ngàn con, bằng 101,61% so với cùng kỳ năm trước.

định. Công tác trồng rừng vụ Xuân, chăm sóc và bảo vệ rừng được các địa phương tích cực triển khai. Điểm đáng lưu ý nhất trong tháng là thời tiết bắt đầu chuyển sang nắng nóng gay gắt, làm tăng rủi ro cháy rừng. Trước tình hình đó, các cấp, ngành đã chủ động triển khai các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng, tăng cường tuần tra, kiểm soát và tuyên truyền nâng cao ý thức người dân.

Diện tích rừng trồng mới tập trung trong tháng ước đạt 1.105 ha, bằng 163,96% so với cùng kỳ năm trước (tăng 431 ha). Lũy kế 5 tháng đầu năm 2026 diện tích rừng trồng mới ước đạt gần 4.157 ha, bằng 149,62% tăng 1.379 ha so với cùng kỳ năm trước.

Số cây lâm nghiệp trồng phân tán trong tháng ước đạt 108 nghìn cây, bằng 152,17%, tăng 37 nghìn cây so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2026 số cây lâm nghiệp trồng phân tán ước đạt 1.291 nghìn cây bằng 83,02% giảm 264 nghìn cây so với cùng kỳ năm trước.

Khai thác gỗ và lâm sản trong tháng ước đạt 103.420 m³, tăng 68.285 m³ (bằng 294,35%) so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế từ đầu năm đến nay sản lượng gỗ khai thác ước đạt 343.968 m³ bằng 189,11% tăng 162.076 m³ so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng gỗ khai thác năm nay tăng mạnh do nhiều diện tích rừng đến tuổi khai thác, năng suất rừng trồng được cải thiện và đặc biệt do ảnh hưởng của hai cơn bão số 5, số 6 và số 10 (năm 2025) khiến nhiều diện tích rừng bị gãy đổ, buộc người dân phải khai thác tận thu.

Thiệt hại về rừng: Trong tháng Năm xảy ra 03 vụ phá rừng với diện tích 0,45 ha, bằng 60,04% (giảm 0,31 ha) so với cùng kỳ năm trước. Các vụ vi phạm đã được lực lượng Kiểm lâm phát hiện, xử lý kịp thời không gây hậu quả nghiêm trọng.

Trong tháng do ảnh hưởng của thời tiết nắng nóng gay gắt, trên địa bàn tỉnh đã ghi nhận 02 vụ cháy rừng tại khu vực các xã Sơn Tiên, Hà Linh và Hương Bình với tổng diện tích thiệt hại là 6 ha. Các địa phương cần tiếp tục tăng cường trực ban, tuần tra và siết chặt hơn nữa các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng trong những tháng cao điểm mùa khô sắp tới.

1.3. Tình hình thủy sản



Kết quả sản xuất: Tổng sản lượng thủy sản tháng Năm ước đạt 5.489 tấn, bằng 103,37% so với cùng kỳ năm trước, sản lượng tăng ở cả hoạt động khai thác và nuôi trồng, (khai thác tăng 4,10%; nuôi trồng thủy sản tăng 4,83%). Tính chung 5 tháng đầu năm 2026 sản lượng đạt 24.548 tấn, tăng 725 tấn (tăng 3,04%) so với cùng kỳ năm trước.

Về khai thác thủy sản, sản lượng trong tháng ước đạt 4.121 tấn, bằng 102,87%

so với cùng kỳ năm trước, chỉ tính riêng khai thác biển ước đạt 3.741 tấn, bằng 102,97% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng khai thác thủy sản nội địa ước đạt 380 tấn, bằng 101,88% so với cùng kỳ năm trước. Hoạt động khai thác thủy sản trong tháng diễn ra khá thuận lợi nhờ điều kiện thời tiết trên biển ổn định, tạo điều kiện cho ngư dân tích cực vươn khơi bám biển. Tính chung 5 tháng năm 2026 sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 18.909 tấn, bằng 102,84% so với cùng kỳ năm trước.

Về nuôi trồng thủy sản, sản lượng trong tháng ước đạt 1.368 tấn, bằng 104,91% so với cùng kỳ năm trước, tính chung 5 tháng đầu năm 2026 sản lượng ước đạt 5.639 tấn, bằng 103,73% so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình dịch bệnh, thiệt hại: Trong tháng tôm bị bệnh đốm trắng với diện tích 8,26 ha xảy ra tại: Xã Cẩm Lạc 1,94 ha; phường Hải Ninh 0,47 ha; xã Thạch Khê 1,85 ha; phường Thành Sen 4 ha. Khi phát hiện dịch được xử lý kịp thời hạn chế thiệt hại cho người nuôi. Tính chung lũy kế 5 tháng đầu năm 2026 tình hình dịch bệnh thủy sản là bệnh đốm trắng ở tôm với diện tích nhiễm 11,11 ha.

2. Sản xuất công nghiệp

Công nghiệp Hà Tĩnh 5 tháng đầu năm 2026 phát huy hiệu quả các động lực tăng trưởng, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hoạt động sản xuất công nghiệp duy trì đà phục hồi tích cực; các dự án quy mô lớn như sản xuất ô tô, pack pin, cell pin, thép... vận hành ổn định, từng bước nâng cao công suất và hiệu quả sản xuất. Những dự án này không chỉ tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo mà còn lan tỏa tích cực đến thương mại, dịch vụ, logistics và phát triển hệ sinh thái công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn.

2.1. Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP)



Ước tính tháng Năm chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 5,22% so với tháng trước và tăng 32,85% so với cùng kỳ. Trong đó: Ngành khai khoáng tăng 7,11% so với tháng trước và giảm 10,26% so với cùng kỳ. Ngành chế biến chế tạo tăng 5,09% so với tháng trước và tăng 26,17% so với cùng kỳ. Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,76% so với tháng trước và tăng 65,98% so với cùng kỳ. Ngành cung cấp nước và xử lý rác thải dự ước tăng 1,77% so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước giảm 10,38%. Ước tính 5 tháng đầu năm 2026, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh tăng 27,11% so với cùng kỳ³.

³ Ngành công nghiệp khai khoáng giảm 15,23% làm giảm 0,23 điểm vào mức tăng chung toàn ngành; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 26,19% đóng góp 19,67 điểm; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 36,8% đóng góp 7,68 điểm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải giảm 0,46% làm giảm 0,01 điểm mức tăng chung toàn ngành công nghiệp Hà Tĩnh.

Các tháng đầu năm ghi nhận những dấu hiệu tích cực làm chỉ số sản xuất ngành công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh tăng cao:

Thứ nhất, chỉ số sản xuất ngành dệt tăng 21,01% so với cùng kỳ năm trước. Hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp trong ngành cơ bản ổn định, đơn hàng có xu hướng tăng trở lại so với cùng kỳ, góp phần cải thiện công suất sử dụng của các cơ sở sản xuất.

Thứ hai, chỉ số sản xuất ngành sản xuất kim loại (thép) 5 tháng đầu năm 2026 tăng 9,31% so với cùng kỳ năm 2025. Động lực chính dẫn dắt sự hồi phục mạnh mẽ này xuất phát từ việc Công ty Formosa đã chủ động khai thác và ký kết thành công các đơn hàng xuất khẩu quy mô lớn, tạo đà bứt phá cho năng lực sản xuất và tiêu thụ thép ngay từ những tháng đầu năm. Sản lượng thép không gỉ 5 tháng đầu năm đạt 1.715 nghìn tấn, tăng 9,99% so với cùng kỳ năm trước.

Thứ ba, ngành sản xuất thiết bị điện tại Hà Tĩnh tiếp tục đà tăng trưởng từ năm 2025. Chỉ số sản xuất ngành này 5 tháng đầu năm tăng 43,57% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này có được nhờ nhu cầu sản xuất gia tăng, trong đó sản lượng từ nhà máy sản xuất ô tô điện của VinFast ngày càng tăng, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất pack pin và các thiết bị điện liên quan mở rộng sản xuất.

Thứ tư, từ tháng 4/2026, nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II chính thức hoạt động thương mại với 2 tổ máy. Bên cạnh đó, các nhà máy sản xuất điện trên địa bàn duy trì vận hành ổn định, bảo đảm sản lượng phát điện theo kế hoạch. Đây là động lực quan trọng góp phần thúc đẩy tăng trưởng của ngành trong năm 2026. Tính đến hết tháng 5/2026, chỉ số sản xuất ngành sản xuất và phân phối điện tăng 36,8%; sản lượng điện sản xuất trên địa bàn 5 tháng đầu năm dự tính đạt 7,6 tỷ Kwh, tăng 37,75% so với cùng kỳ năm trước.

2.2. Một số sản phẩm chủ yếu

Một số sản phẩm công nghiệp 5 tháng đầu năm 2026

So với cùng kỳ năm trước



Trong 5 tháng đầu năm 2026, sản xuất công nghiệp Hà Tĩnh duy trì tăng trưởng tích cực. Trong 21 nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực, có 16 nhóm tăng sản lượng so với cùng kỳ năm trước, chiếm 76,19%, cho thấy hoạt động sản xuất của doanh nghiệp cơ bản ổn định và từng bước phục hồi. Cơ cấu công nghiệp tiếp tục chuyển biến theo hướng cân đối hơn, góp phần củng cố nền tảng tăng trưởng của toàn ngành.

Khu vực công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng chủ yếu với nhiều sản phẩm duy trì mức tăng khá, phản ánh sự cải thiện về sản xuất và

tiêu thụ. Doanh nghiệp từng bước ổn định nguồn nguyên liệu, duy trì đơn hàng, nâng cao hiệu quả thiết bị và quy trình sản xuất.

Kết quả đạt được đã tạo tác động lan tỏa tích cực đến các lĩnh vực thương mại, logistics và dịch vụ hỗ trợ sản xuất, góp phần nâng cao khả năng hoàn thành mục tiêu phát triển công nghiệp trong cả năm 2026.

Một số sản phẩm tăng cao so với cùng kỳ gồm: Ấc quy ion lithi tăng 67,44%; bê tông trộn sẵn tăng 51,81%; thức ăn gia súc tăng 42,17%; điện sản xuất tăng 37,75%; sợi xe từ sợi tự nhiên tăng 21,01%... Ngược lại, một số sản phẩm giảm như: đá xây dựng khác giảm 26,95%; quặng zircon và tinh quặng zircon giảm 38,3%; nước uống được giảm 13,81%...

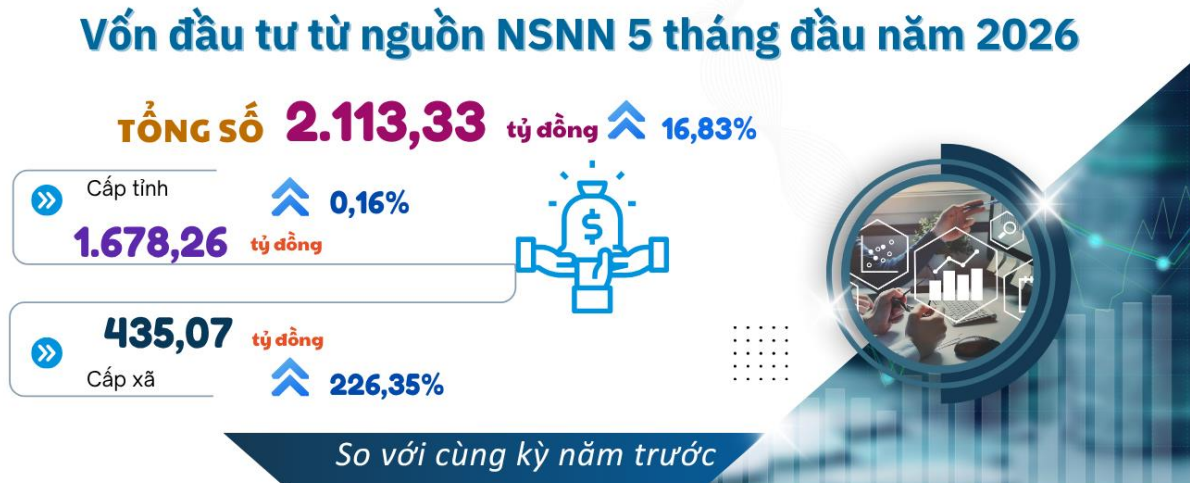
2.3. Tình hình sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp

Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tháng 5/2026 tăng 4,61% so với tháng trước và tăng 60,33% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, chỉ số này tăng 47,91% so với cùng kỳ năm 2025. Các dự án, nhà máy mới đi vào hoạt động như sản xuất ô tô VinFast, pack pin... đã góp phần làm gia tăng nhu cầu tuyển dụng và số lượng lao động trên địa bàn.

Theo ngành, công nghiệp khai khoáng giảm 14,67% do một số mỏ hết trữ lượng khai thác và việc ứng dụng công nghệ hiện đại thay thế lao động thủ công. Ngược lại, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 59,97%, tiếp tục là động lực chính của toàn ngành; trong đó sản xuất, chế biến thực phẩm tăng 42,79%, sản xuất thiết bị điện tăng 67,59%.

Bên cạnh đó, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II đi vào hoạt động góp phần đưa chỉ số sử dụng lao động ngành sản xuất và phân phối điện tăng 3,98%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải giảm nhẹ 0,1% so với cùng kỳ năm trước.

3. Đầu tư và xây dựng



Năm 2026 là năm có ý nghĩa quan trọng khi diễn ra Đại hội XIV của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XVI và là năm đầu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030. Trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục biến động, giá nguyên liệu và chi phí logistics duy trì ở mức cao, Hà Tĩnh vẫn tập trung đẩy mạnh đầu tư xây dựng cơ bản, triển khai các dự án trọng điểm và thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công. Nhiều giải pháp được thực hiện đồng bộ nhằm tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ dự án, tạo động lực tăng trưởng kinh tế và phấn đấu hoàn thành mục tiêu GRDP năm 2026 tăng trên 10%.

Dự ước vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng Năm ước đạt 595,83 tỷ đồng, tăng 26,19% so với tháng trước và tăng 0,13% so với cùng kỳ năm trước⁴. Từ đầu tháng thời tiết thuận lợi, nguồn cung vật liệu ổn định cùng với việc hoàn thiện thủ tục đầu tư, đấu thầu và giải ngân kịp thời đã tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh, góp phần thúc đẩy thực hiện vốn đầu tư công tăng mạnh.

Ngoài ra, trong tháng, một số công trình có khối lượng thực hiện lớn gồm: Dự án đường trục chính trung tâm nối Quốc lộ 1 đến cảng Vũng Áng - Sơn Dương đạt khoảng 23 tỷ đồng; Dự án Trường Tiểu học và THCS Hương Khê đạt 28 tỷ đồng; Tiểu dự án cải thiện hạ tầng đô thị Kỳ Anh đạt 25 tỷ đồng. Nhìn chung, hoạt động đầu tư xây dựng tiếp tục chuyển biến tích cực, tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công được cải thiện rõ rệt.

Cộng dồn 5 tháng đầu năm 2026, tổng vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng ước đạt 2.113,33 tỷ đồng, tăng 16,83% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ước đạt 1.678,26 tỷ đồng, tăng 0,16%; vốn ngân sách nhà nước cấp xã ước đạt 435,07 tỷ đồng, tăng 226,35% so với cùng kỳ năm trước.

Thời gian qua, hoạt động đầu tư công trên địa bàn tỉnh gặp khó khăn do giá nhiên liệu, vật liệu xây dựng và chi phí nhân công tăng cao, một số dự án phải điều chỉnh dự toán, thiếu lao động kỹ thuật cao ảnh hưởng đến tiến độ thi công.

Tuy nhiên, nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ và địa phương trong đẩy nhanh giải ngân, tháo gỡ khó khăn về mặt bằng, vật liệu xây dựng và nâng cao trách nhiệm chủ đầu tư, kết quả thực hiện vốn đầu tư công vẫn đạt tích cực, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Bên cạnh đó, công tác nghiệm thu, thanh toán, tổ chức thi công và giải ngân vốn tiếp tục được cải thiện. Dự kiến thời gian tới, việc bổ sung nguồn vốn và đẩy nhanh tiến độ các dự án sẽ tiếp tục tạo động lực thúc đẩy giải ngân đầu tư công, hoàn thiện các công trình trọng điểm và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế địa phương.

4. Thương mại, dịch vụ

4.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Thương mại, dịch vụ 5 tháng đầu năm 2026

So với cùng kỳ năm trước



Hoạt động thương mại, dịch vụ trong tháng diễn ra ổn định, thị trường hàng

⁴ Tháng 5/2026: Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ước đạt 476,72 tỷ đồng, tăng 26,26% so với tháng trước và giảm 13,72% so với cùng kỳ năm trước; vốn ngân sách nhà nước cấp xã ước đạt 119,11 tỷ đồng, tăng 25,9% so với tháng trước và tăng 180,08% so với cùng kỳ năm trước

hóa cơ bản được giữ vững, đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng của người dân. Mặc dù tình hình thế giới có nhiều biến động, làm chi phí vận chuyển hàng hóa quốc tế tăng cao, nhưng kinh tế trong nước nói chung và tỉnh nhà nói riêng vẫn duy trì được sự ổn định. Tuy nhiên, vẫn cần tiếp tục triển khai các giải pháp kích cầu tiêu dùng, hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường, đẩy mạnh chuyển đổi số và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm duy trì đà tăng trưởng ổn định.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng Năm ước đạt 5.034,50 tỷ đồng, giảm 2,82% so với tháng trước nhưng tăng 15,36% so với cùng kỳ năm trước. Sự sụt giảm này chủ yếu do nhu cầu mua sắm của người dân hạ nhiệt sau các kỳ nghỉ lễ, sức mua quay về mức bình thường. Sự phân hóa giữa các nhóm hàng diễn ra khá rõ nét. Các mặt hàng phục vụ nhu cầu thiết yếu, năng lượng và đời sống như xăng dầu, vật phẩm văn hóa, may mặc hay dịch vụ sửa chữa phương tiện đều tăng nhẹ, cho thấy nhu cầu sinh hoạt và sản xuất vẫn duy trì ổn định. Đặc biệt, nhóm ô tô con có mức tăng đột biến so với cùng kỳ năm ngoái, một phần do xu hướng người dân chuyển sang các dòng xe tiết kiệm nhiên liệu. Ngược lại, các nhóm hàng có giá trị lớn như đồ dùng gia đình, lương thực thực phẩm hay vật liệu xây dựng có dấu hiệu giảm nhẹ do người dân đang cân đối lại chi tiêu sau giai đoạn cao điểm để ưu tiên cho các nhu cầu thực tế hơn.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 25.365,87 tỷ đồng, tăng 14,64% so với cùng kỳ năm trước. Trong 12 nhóm hàng hóa có đến 11 nhóm hàng hóa tăng trưởng dương⁵, trong đó nhóm hàng tỷ trọng lớn và tăng trưởng ổn định là nhóm hàng lương thực, thực phẩm tăng 16%, chỉ có nhóm hàng gỗ và vật liệu xây dựng giảm 2% so với cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, thị trường bán lẻ của Hà Tĩnh trong tháng duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực với sức mua cải thiện ở hầu hết các nhóm hàng. Tiêu dùng dân sinh ổn định, nhu cầu mua sắm tài sản giá trị lớn và phương tiện đi lại tăng mạnh cho thấy niềm tin tiêu dùng đang phục hồi tốt.

Dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành doanh thu tháng Năm dự tính đạt 584,35 tỷ đồng, tăng 7,35% so với tháng trước và tăng 18,89% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp nối đà khởi sắc từ đầu mùa, doanh thu và lượt khách lưu trú tháng 5/2026 tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ khi du lịch hè bước vào giai đoạn bứt phá, dưới sự tác động tích cực từ định hướng phát triển đồng bộ của tỉnh. Thị trường ghi nhận sức bật lớn nhờ hạ tầng lưu trú chất lượng cao được tăng cường (điển hình như các dự án khách sạn 4 sao đi vào vận hành tại biển Xuân Thành) kết hợp cùng nỗ lực nâng cao trải nghiệm số cho du khách thông qua việc phủ sóng wifi miễn phí và số hóa điểm đến tại các bãi biển trọng điểm. Thêm vào đó, thời tiết nắng nóng gay gắt trên diện rộng đã kích cầu tối đa nhu cầu nghỉ dưỡng biển dài ngày của các tour gia đình và đoàn lữ hành tại các bãi biển Xuân Thành, Thiên Cầm, Kỳ Xuân, Thạch Hải.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, doanh thu nhóm ngành này ước đạt 2.610,45 tỷ đồng, tăng 15,43% so với cùng kỳ năm trước. Do có sự chỉ đạo, quan tâm kịp thời của cấp ủy đảng, chính quyền trên địa bàn tỉnh tập trung đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, bổ sung dịch vụ, nâng cao chất lượng phục vụ; tổ

⁵ Hàng may mặc tăng 20,71%; đồ dùng gia đình tăng 8,97%; vật phẩm, giáo dục tăng 19,26%; ô tô con tăng 69,67%; xăng, dầu các loại tăng 10,13%; Nhiên liệu khác tăng 38,04%; Đá quý, kim loại tăng 41,83%; phương tiện đi lại tăng 33,59%; hàng hóa khác tăng 21,97%; sửa chữa ô tô, xe máy và xe có động cơ khác tăng 0,38%

chức các sự kiện đón tiếp và phục vụ khách; bảo đảm công tác an toàn vệ sinh thực phẩm, không để xảy ra tệ nạn trong cơ sở kinh doanh dịch vụ mà các lễ hội, khu vui chơi được diễn ra vui vẻ, an toàn.

Dịch vụ khác doanh thu tháng Năm ước đạt 843,74 tỷ đồng, tăng 2,07% so với tháng trước và tăng 8,43% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng, nhóm ngành nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng trưởng mạnh mẽ nhờ sức hút từ các chương trình nghệ thuật và lễ hội khai trương du lịch biển tại địa phương. Tính chung 5 tháng đầu năm 2026 dự ước thực hiện đạt 4.115,67 tỷ đồng, tăng 10,02% so với cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, hoạt động của nhóm ngành dịch vụ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh trong những tháng đầu năm 2026 đã duy trì được mạch tăng trưởng ổn định, có sự phân hóa theo tính chất chu kỳ và nhu cầu thực tế của thị trường. Dưới sự điều hành linh hoạt của các cấp chính quyền cùng khả năng tự cân đối, thích ứng của các đơn vị kinh doanh, nhóm ngành dịch vụ khác đã khẳng định tốt vai trò bình ổn và bảo đảm chất lượng cuộc sống nhân dân. Đây chính là tiền đề quan trọng để khối dịch vụ này tiếp tục vận hành ổn định, đóng góp bền vững vào bức tranh phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh nhà trong thời gian tới.

4.2. Hoạt động vận tải

Hoạt động vận tải 5 tháng đầu năm 2026



Nhu cầu đi lại và vận chuyển trong tháng tăng cao do tác động từ chuỗi kỳ nghỉ lễ kéo dài như Giỗ Tổ Hùng Vương, ngày 30/4 và 1/5. Các đơn vị vận tải trên địa bàn tỉnh đã chủ động tăng cường phương tiện, nâng cao chất lượng phục vụ nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, đồng thời bảo đảm lưu thông hàng hóa phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh. Bên cạnh đó, hoạt động vận tải hàng hóa trong tháng ghi nhận khối lượng vận chuyển tăng nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi cho sản xuất và kinh doanh. Nhu cầu vận chuyển hàng tiêu dùng, đặc biệt là các mặt hàng điện tử, điện lạnh và nông sản như lúa tăng cao.

Doanh thu vận tải, kho bãi tháng Năm ước đạt 814,83 tỷ đồng, tăng 2,92% so với tháng trước và tăng 18,14% so với cùng kỳ năm trước. Vận tải hành khách ước đạt 160,90 tỷ đồng, tăng 1,27% so với tháng trước và tăng 13,01% so với cùng kỳ năm trước, trong tháng nhu cầu đi lại của người dân tăng sau kỳ nghỉ lễ dài. Vận tải hàng hóa ước đạt 406,73 tỷ đồng, tăng 3,57% so với tháng trước và tăng 18,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng, nhiều công trình xây dựng bước vào giai đoạn thi công cao điểm khiến nhu cầu vận chuyển nguyên vật liệu tăng cao. Đồng thời, nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng như đồ gia dụng, nước giải khát, đồ uống có cồn, hàng may mặc và sản phẩm phục vụ sản xuất nông nghiệp - chăn nuôi cũng

tăng theo mùa.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2026 doanh thu vận tải ước đạt 3.909,55 tỷ đồng, tăng 14,94% so với cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, những tháng đầu năm 2026, tình hình vận tải diễn ra sôi động với sự tăng trưởng ở cả vận tải hành khách, hàng hóa, kho bãi và chuyển phát do nhu cầu sản xuất, tiêu dùng và nhu cầu tăng cao. Vận tải đường bộ vẫn chiếm ưu thế, trong khi các ngành vận tải khác cũng ghi nhận mức tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ năm trước. Chất lượng phương tiện vận chuyển hành khách và hàng hóa không ngừng được cải thiện, nhiều xe mới, chất lượng cao được đưa vào khai thác. Dịch vụ vận tải được nâng cao rõ rệt, số lượng phương tiện vận chuyển ổn định, giá cước vận tải hợp lý, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4.3. Xuất nhập khẩu hàng hóa



Tình hình Xuất - Nhập khẩu trong tháng Năm và 5 tháng đầu năm 2026 tiếp tục có nhiều tín hiệu tích cực, tổng trị giá xuất - nhập khẩu tháng Năm ước đạt 431,5 triệu USD tăng 13,28% so với tháng trước và tăng 5,75% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, tổng trị giá xuất - nhập khẩu toàn tỉnh ước đạt 1.932,46 triệu USD tăng 5,43% so với cùng kỳ năm trước.

Về xuất khẩu: Trị giá xuất khẩu toàn tỉnh trong tháng Năm ước đạt 155,8 triệu USD, tăng 8,09% so với tháng trước và tăng 5,89% so với cùng kỳ. Nhìn chung các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu đều tăng so với tháng trước, chỉ có mặt hàng dăm gỗ có trị giá xuất khẩu giảm so với tháng trước nhưng so với cùng kỳ vẫn ở mức tăng khá; tính riêng trị giá xuất khẩu mặt hàng thép, phôi thép xuất khẩu trong tháng đạt 130,5 triệu USD tăng 5,55% so với tháng trước và tăng 57,84% so với cùng tháng năm trước.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, trị giá xuất khẩu ước đạt 670,82 triệu USD tăng 11,41% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu do mặt hàng thép, phôi thép ước đạt gần 572,9 triệu USD (chiếm 85,4% tổng trị giá xuất khẩu toàn tỉnh) tăng 13,99% so với cùng kỳ.

Về nhập khẩu: Trị giá nhập khẩu trong tháng Năm ước đạt 275,7 triệu USD, tăng 16,43% so với tháng trước và tăng 5,67% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do một số dự án công nghiệp, xây dựng bước vào giai đoạn triển khai, phát sinh nhu cầu nhập khẩu máy móc, thiết bị. Tính chung 5 tháng đầu năm 2026 trị giá nhập khẩu ước đạt hơn 1.216,64 triệu USD tăng 2,51% so với cùng kỳ năm trước.

5. Chỉ số giá tiêu dùng

Trong tháng Năm, giá xăng quay đầu tăng nhẹ trong khi dầu diesel tiếp tục

ghi nhận đà giảm, nổi tiếp xu hướng giảm mạnh vào cuối tháng 4. Tuy nhiên, do độ trễ của chi phí vận tải và nguyên liệu đầu vào, giá xăng dầu vẫn tạo áp lực nhất định lên chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và chi phí sản xuất, kinh doanh. Các cấp ngành, địa phương vẫn triển khai nhiều giải pháp giám sát chặt chẽ biến động giá cả thị trường.



Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của tỉnh Hà Tĩnh tháng Năm tăng 0,27% so với tháng trước và tăng 5,68% so với cùng kỳ năm trước. So với tháng trước, trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 06 nhóm hàng hóa tăng giá, 04 nhóm hàng hóa giảm giá và có 01 nhóm hàng hóa ổn định không tăng giảm.⁶

Sự biến động giá cả thị trường tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ trong tháng chủ yếu do các nguyên nhân chính như:

Thứ nhất, nhóm lương thực đặc biệt là giá gạo tẻ thường giảm do tháng 5 trùng vào vụ thu hoạch đông xuân, nguồn cung tự nhiên tăng, giá có xu hướng giảm. Thịt gia súc, gia cầm tăng so với tháng trước do chi phí sản xuất tăng. Giá các loại rau tươi, khô và chế biến tăng do tháng 5 thời tiết nắng nóng hơn, đồng thời hết mùa thu hoạch của một số loại rau, củ nên nguồn cung hạn chế đã tác động làm chỉ số giá tiêu dùng nhóm hàng quả tươi và chế biến tăng.

Thứ hai, thời tiết nắng nóng nhu cầu tiêu thụ các mặt hàng đồ uống đặc biệt là nước giải khát có ga, bia tăng nên giá tăng. Bên cạnh đó, giá điện, nước sinh hoạt tăng do nhu cầu sử dụng vào mùa nắng nóng. Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở chính tăng do nhu cầu xây dựng (đặc biệt là đầu tư công) tăng đột biến trong khi nguồn cung cát, đá khan hiếm.

Thứ ba, biến động theo thị trường thế giới như giá các loại chất đốt gas, dầu hỏa giảm nhẹ, giá dầu diesel giảm 16,44% so với tháng trước, trong khi giá xăng tăng 2,07%.

Tính chung, bình quân 5 tháng đầu năm 2026 chỉ số giá tiêu dùng tăng 3,95% so với cùng kỳ năm 2025, cả 11 nhóm hàng hóa chính đều có sự tăng giá so với cùng kỳ. Trong đó, tác động lớn nhất là chỉ số giá là nhóm hàng ăn uống và dịch vụ ăn uống tăng 4,67%⁷, đây là nhóm hàng chiếm tỷ trọng các mặt hàng lớn và cũng là nhóm hàng thiết yếu trực tiếp ảnh hưởng tới chỉ số giá tiêu dùng chung (CPI). Bên

⁶ So với tháng trước: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,13%); Đồ uống và thuốc lá (+0,75%); May mặc, mũ nón, giày dép (-1,01%); Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+0,91%); Thiết bị và đồ dùng gia đình (-0,12%); Thuốc và dịch vụ y tế (+0,02%); Giao thông (+0,54%); Thông tin và truyền thông (-0,04%); Giáo dục (+0,17%); Hàng hóa và dịch vụ khác (-0,01%).

⁷ Nhóm lương thực tăng 7,89%; thực phẩm tăng 4,4% và nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 3,39%.

cạnh đó, một số nhóm hàng có sự biến động giá khác như nhóm nhà ở, chất đốt và vật liệu xây dựng giá tăng 6,23% do sự điều chỉnh giá của nhà nước ở các mặt hàng điện, nước cùng với nhu cầu tiêu dùng tăng. Chỉ số giá nhóm giao thông tăng 3,64% do mặt hàng nhiên liệu tăng 8,92% so với cùng kỳ năm trước.

Nhìn chung, thị trường tiêu dùng từ đầu năm đến nay các mặt hàng có mức biến động mạnh chủ yếu tập trung ở các nhóm lương thực, thực phẩm, xăng dầu, điện, nước sinh hoạt, giá thuê nhà ở, vật liệu xây dựng... tuy nhiên mức tăng chỉ số giá vẫn đang nằm trong tầm kiểm soát và được theo dõi chặt chẽ.

Dự báo CPI tháng tới có thể tiếp tục tăng do bước vào mùa cao điểm nắng nóng, bên cạnh đó mức giá tiêu dùng sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố như giá nguyên liệu toàn cầu, chính sách tiền tệ và tình hình sản xuất trong nước, các biện pháp điều hành giá, quản lý cung cầu và hỗ trợ sản xuất được thực hiện để đảm bảo sự ổn định cho thị trường.

II. MỘT SỐ TÌNH HÌNH XÃ HỘI

1. Đời sống dân cư và bảo đảm an sinh xã hội

Trong tháng Năm, đời sống người dân Hà Tĩnh trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa và xã hội cơ bản ổn định và có nhiều chuyển biến tích cực. Hoạt động sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản tiếp tục được duy trì, tuy nhiên thời tiết diễn biến thất thường đã làm ảnh hưởng đến một số diện tích lúa và hoa màu của người dân. Bên cạnh đó, các hoạt động công nghiệp, thương mại và dịch vụ ngày càng phát triển; nhiều dự án đầu tư tại Khu kinh tế Vũng Áng và Khu công nghiệp VSIP Hà Tĩnh được triển khai và mở rộng đã góp phần tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho lao động địa phương.

Nhiều chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu việc làm và cải thiện môi trường lao động được triển khai nhằm khuyến khích người lao động đang làm việc tại các tỉnh, thành phố lớn quay trở về quê hương làm việc. Bên cạnh đó, các hoạt động an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe nhân dân, đầu tư hạ tầng và đảm bảo an ninh trật tự tiếp tục được quan tâm, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

2. Hoạt động y tế

Trong tháng, ngành y tế tiếp tục triển khai đồng bộ các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Công tác phòng, chống dịch bệnh mùa hè được tăng cường, đặc biệt đối với các bệnh như sốt xuất huyết, tay chân miệng, cúm mùa và các bệnh truyền nhiễm khác.

Tình hình dịch bệnh trong tháng ghi nhận 43 ca mắc sốt xuất huyết Dengue, 17 ca mắc tay chân miệng, 694 ca mắc cúm, 83 ca tiêu chảy, 28 ca mắc thủy đậu, 128 ca mắc quai bị và một số bệnh nhỏ lẻ khác. Về an toàn thực phẩm, đã không xảy ra vụ ngộ độc tập thể nào nhưng có 169 ca ngộ độc thực phẩm đơn lẻ (giảm 12 ca so với tháng trước). Ngoài ra, trong tháng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh phát hiện 2 ca nhiễm mới HIV nhưng không phát sinh ca chết vì AIDS.

3. Hoạt động văn hoá, thể thao

Về lĩnh vực văn hóa trong tháng trên địa bàn Hà Tĩnh diễn ra sôi nổi với nhiều chương trình ý nghĩa nhân dịp kỷ niệm 136 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2026). Nhiều hoạt động văn nghệ, giao lưu quần chúng, biểu diễn dân ca ví, giặm Nghệ Tĩnh được tổ chức tại nhiều địa phương trong toàn tỉnh, góp

phần nâng cao đời sống tinh thần và giáo dục truyền thống cho nhân dân.

Ngoài ra, đã tham gia giải thưởng về chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” giai đoạn 2021-2025 và vinh dự có 5 tác giả, nhóm tác giả đạt 4 giải C, 1 giải khuyến khích giải thưởng về sáng tác tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí và 1 tập thể đạt giải quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí.

Về hoạt động thể thao trong tháng đoàn thể thao Hà Tĩnh đã tham gia các giải đấu như: Giải vô địch các CLB karate quốc gia khu vực miền Trung lần thứ XII năm 2026 và giành 31 huy chương (15 HCV, 7 HCB, 9 HBD); giải Điền kinh Cúp Tốc độ Thống nhất TP HCM năm 2026 từ 10-18/5/2026 giành 7 huy chương (3 HCV, 3 HCB, 1 HCD). Câu lạc bộ Bóng đá Hồng Lĩnh Hà Tĩnh tham gia Giải Vô địch quốc gia mùa giải 2025-2026 đến thời điểm hiện nay giành được 27 điểm, đứng vị trí thứ 8 trên 14 đội tham gia giải.

Ngoài ra, hoạt động thể thao quần chúng tiếp tục phát triển sôi nổi, các địa phương, cơ quan đơn vị trong tỉnh tổ chức nhiều giải thi đấu như bóng đá, bóng chuyền, pickleball... nhằm chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước.

4. Tình hình an toàn giao thông

Trong tháng Năm tính (từ ngày 15/4-14/5/2026) xảy ra 31 vụ tai nạn đường bộ, làm 20 người chết, 24 người bị thương (giảm 7 vụ; giảm 3 người chết; giảm 4 người bị thương so với tháng trước); trong tháng không xảy ra vụ tai nạn đường sắt nào (giữ nguyên so với tháng trước). Giá trị thiệt hại ước tính khoảng 666 triệu đồng.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2026 toàn tỉnh đã xảy ra 166 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 100 người chết và 132 người bị thương, giá trị thiệt hại ước tính gần 2,37 tỷ đồng, tăng 12 vụ tai nạn, tăng 61 người bị thương nhưng giảm 10 người chết so với cùng kỳ năm trước. Không xảy ra vụ tai nạn giao thông đường sắt nào, giảm 2 vụ tai nạn và 1 người bị thương so với cùng kỳ năm trước.

5. Bảo vệ môi trường

Trong tháng Năm toàn tỉnh phát hiện 10 vụ vi phạm môi trường, giảm 2 vụ so với tháng trước nhưng tăng 4 vụ so với cùng kỳ năm trước. Số vụ vi phạm đã xử lý trong tháng là 4 vụ, giảm 4 vụ so với tháng trước nhưng giữ nguyên so với cùng kỳ năm trước. Số tiền xử phạt vi phạm hành chính trong tháng là 10,4 triệu đồng, giảm 3,15 triệu đồng so với tháng trước và giảm 116,13 triệu đồng so với tháng cùng kỳ năm trước. Ghi nhận công tác tuyên truyền, kiểm tra, quản lý môi trường và ý thức người dân đã được tăng cường.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, toàn tỉnh phát hiện 196 vụ vi phạm môi trường, tăng 46 vụ (tăng 30,67%) so với cùng kỳ năm trước. Số vụ vi phạm xử lý đã xử lý là 101 vụ, giảm 34 vụ (giảm 25,19%) với số tiền xử phạt 632,73 triệu đồng, giảm 839,72 triệu (giảm 57,03%) so với cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, công tác bảo vệ môi trường luôn được các cấp, ngành địa phương và xã hội quan tâm. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành công văn số 2558/SNNMT-MT ngày 14/4/2026 về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trước mùa du lịch biển năm 2026 để chỉ đạo các địa phương, đơn vị liên quan triển khai các biện pháp bảo vệ môi trường trên địa bàn.

6. Tình hình bất thường về thiên tai và hỏa hoạn

Trong tháng Năm tính (từ ngày 15/4/2026-14/5/2026) đã xảy ra 5 vụ cháy

(giảm 4 vụ so với tháng trước); không gây thiệt hại về người, giá trị thiệt hại về tài sản ước tính 169,66 triệu đồng. Tính chung 5 tháng đầu năm 2026 toàn tỉnh đã xảy ra 28 vụ cháy và 2 vụ nổ, làm 1 người chết và 1 người bị thương, giá trị thiệt hại tài sản ước tính hơn 3,66 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước giảm 1 vụ cháy nhưng tăng 2 vụ nổ, tăng 1 người chết và giảm 1 người bị thương, giá trị thiệt hại tăng hơn 429 triệu đồng.

Từ tháng Năm, Hà Tĩnh bước vào mùa nắng nóng, nền nhiệt nhiều thời điểm duy trì ở mức cao, kéo dài trong nhiều ngày liên tiếp. Thời tiết khô hanh, nhu cầu sử dụng điện tăng đột biến đã và đang gây áp lực lên hệ thống điện, tiềm ẩn nguy cơ cháy, nổ đồng thời làm gia tăng nguy cơ cháy rừng. Để chủ động kiểm soát tình hình, lực lượng chức năng đã ban hành các văn bản chỉ đạo tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy trong mùa nắng nóng; đẩy mạnh rà soát địa bàn, tập trung vào các khu vực có nguy cơ cao như chợ, làng nghề, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các khu vực rừng trọng điểm.

Về tình hình thiên tai, trong tháng Năm có xảy ra mưa đá kèm dông lốc, sấm sét và nhiều đợt mưa lớn tuy nhiên không gây thiệt hại lớn về người và tài sản.

Trên đây là báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng Năm và 5 tháng đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh./. 

Nơi nhận:

- Ban TK Tổng hợp và Đối ngoại - CTK (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Ban Tuyên giáo - Dân vận Tỉnh ủy;
- VP Tỉnh ủy, HĐND - UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Lãnh đạo Thống kê tỉnh;
- Phòng nghiệp vụ Thống kê tỉnh;
- Thống kê các cơ sở;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, TH.

Q. TRƯỞNG THỐNG KÊ



Nguyễn Trung Thành

BIỂU SỐ LIỆU
BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÁNG 5 VÀ 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2026
TỈNH HÀ TĨNH

1. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 20 tháng 5 năm 2026

(Kèm theo Báo cáo số: 133/BC-TKT ngày 29/5/2026)

	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Thực hiện kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Diện tích gieo trồng				
Lúa Đông xuân	Ha	59.276	58.611	98,88
Ngô	Ha	12.303	12.067	98,08
Khoai lang	Ha	2.639	2.490	94,38
Lạc	Ha	5.867	4.902	83,56
Rau các loại	Ha	10.818	10.977	101,48

2. Chăn nuôi đến ngày 31 tháng 5 năm 2026

(Kèm theo Báo cáo số: 133/BC-TKT ngày 29/5/2026)

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Ước thực hiện kỳ báo cáo	Thực hiện kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Gia súc (con)			
Trâu	64.940	46.187	71,12
Bò	160.380	127.155	79,28
<i>Trong đó: Bò sữa</i>	2.100	2.050	97,62
Lợn	345.405	352.426	102,03
Gia cầm (nghìn con)	10.015	10.062	100,47
<i>Trong đó: Gà</i>	8.469	8.605	101,61

3. Lâm nghiệp

(Kèm theo Báo cáo số: 133/BC-TKT ngày 29/5/2026)

	Đơn vị tính	Ước tính tháng 5 năm 2026	Ước tính 5 tháng đầu năm 2026	Tháng 5 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	5 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
Diện tích rừng trồng mới tập trung	Ha	1.105	4.157	163,96	149,62
Sản lượng gỗ khai thác	Nghìn m3	103,42	343,97	294,35	189,11
Số vụ cháy rừng (tính đến ngày 15 hàng tháng)	Vụ	2	2	-	-
Diện tích rừng bị cháy (tính đến ngày 15 hàng tháng)	Ha	6	6	-	-
Số vụ phá rừng (tính đến ngày 15 hàng tháng)	Vụ	3,0	12,0	43	92,31
Diện tích rừng bị phá (tính đến ngày 15 hàng tháng)	Ha	0,5	1,63	60	87,53
Số cây lâm nghiệp trồng phân tán	1000 cây	108	1.291	152,17	83,02

4. Sản lượng thủy sản

(Kèm theo Báo cáo số: 133/BC-TKT ngày 29/5/2026)

	Ước tính tháng 5 năm 2026 (Tấn)	Ước tính 5 tháng đầu năm 2026 (Tấn)	Tháng 5 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	5 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tổng sản lượng thủy sản	5.489	24.548	103,37	103,04
Cá	3.014	16.225	104,25	102,96
Tôm	336	1.290	105,33	104,20
Thủy sản khác	2.139	7.033	101,86	103,03
Sản lượng thủy sản nuôi trồng	1.368	5.639	104,91	103,73
Cá	629	3.204	104,83	102,76
Tôm	250	819	105,93	104,87
Thủy sản khác	489	1.616	104,49	105,14
Sản lượng thủy sản khai thác	4.121	18.909	102,87	102,84
Cá	2.385	13.021	104,10	103,01
Tôm	86	471	103,61	103,06
Thủy sản khác	1.650	5.417	101,10	102,42

5. Chỉ số sản xuất công nghiệp

(Kèm theo Báo cáo số: 133/BC-TKT ngày 29/5/2026)

Đơn vị tính: %

	Tháng 4 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	Ước tính tháng 5 năm 2026 so với tháng trước	Ước tính tháng 5 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	5 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
Toàn ngành công nghiệp	131,26	105,22	132,85	127,11
<i>Phân theo ngành kinh tế cấp II</i>				
Khai khoáng	82,64	107,11	89,74	84,77
Khai thác quặng kim loại	84,58	84,18	53,00	75,21
Khai khoáng khác	82,60	107,65	90,90	85,01
Công nghiệp chế biến, chế tạo	129,49	105,09	126,17	126,19
Sản xuất chế biến thực phẩm	115,30	127,10	114,17	115,16
Sản xuất đồ uống	122,59	101,13	75,54	108,35
Dệt	131,22	104,09	125,42	121,01
Sản xuất trang phục	120,15	55,84	69,55	96,55
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	90,13	108,35	97,65	92,72
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	110,00	109,09	142,86	123,42
In, sao chép bản ghi các loại	59,03	125,93	73,18	118,07
Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế	103,87	100,43	105,05	102,72
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	129,76	87,39	117,58	112,19
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	125,92	98,94	111,57	123,04
Sản xuất kim loại	115,03	103,95	111,79	109,31
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	95,90	103,85	99,20	104,95

	Tháng 4 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	Ước tính tháng 5 năm 2026 so với tháng trước	Ước tính tháng 5 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	5 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
Sản xuất thiết bị điện	124,16	100,27	105,12	143,57
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	93,24	101,53	93,14	99,27
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	143,55	105,76	165,98	136,80
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	143,55	105,76	165,98	136,80
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	98,16	101,77	89,62	99,54
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	97,46	102,33	88,76	98,96
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	105,61	96,33	99,57	105,17

6. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

(Kèm theo Báo cáo số: 133/BC-TKT ngày 29/5/2026)

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 4 năm 2026	Ước tính tháng 5 năm 2026	Cộng dồn 5 tháng đầu năm 2026	Tháng 5 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	5 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
Quặng ilmenit và tinh quặng ilmenit	Tấn	302	250	1.252	83,33	119,23
Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	47	40	220	42,84	61,70
Đá xây dựng khác	1000 M ³	190	200	923	83,52	73,05
Mực đông lạnh	Tấn	30	41	140	211,08	714,72
Chè (trà) nguyên chất (như: chè (trà) xanh, chè (trà) đen)	Tấn	321	235	719	116,34	128,62
Thức ăn cho gia súc	Tấn	1.285	1.419	6.975	136,51	142,17
Bia đóng lon	1000 Lít	7.021	7.100	35.326	75,54	108,35
Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cói ...	Tấn	1.076	1.120	4.971	125,42	121,01
Vỏ bào, dăm gỗ	1000 Tấn	38	44	224	106,55	98,31
Than cốc và bán cốc luyện từ than non hay than bùn	1000 Tấn	256	257	1.261	105,05	102,72
Dịch vụ sản xuất dược phẩm	Triệu đồng	16.786	14.669	75.937	117,58	112,19
Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	1000 viên	7.772	7.118	34.683	98,48	118,01
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M ³	51.450	52.120	229.526	135,08	151,81

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 4 năm 2026	Ước tính tháng 5 năm 2026	Cộng dồn 5 tháng đầu năm 2026	Tháng 5 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	5 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
Thép không gỉ ở dạng bán thành phẩm	1000 Tấn	359	375	1.716	113,13	109,99
Ắc quy bằng ion lithi	1000 Kwh	227	229	1.111	121,72	167,44
Điện sản xuất	Triệu KWh	1.874	1.984	7.595	168,52	137,75
Điện thương phẩm	Triệu KWh	181	187	801	115,19	115,07
Nước uống được	1000 M ³	1.982	2.115	9.623	87,30	86,19
Nước không uống được	1000 M ³	2.327	2.380	11.423	88,77	99,13
Rác thải không độc hại đã thu gom không thể tái chế	Tấn	9.084	8.682	47.546	99,37	106,35

7. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý

(Kèm theo Báo cáo số: 133/BC-TKT ngày 29/5/2026)

	Thực hiện tháng 4 năm 2026 (Tỷ đồng)	Ước tính tháng 5 năm 2026 (Tỷ đồng)	Cộng dồn 5 tháng đầu năm 2026 (Tỷ đồng)	5 tháng năm 2026 so với kế hoạch năm 2026 (%)	5 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	472,16	595,83	2.113,33	30,07	116,83
Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh	377,55	476,72	1.678,26	29,56	100,16
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	306,17	409,82	1.312,91	28,01	112,98
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	90,43	125,45	515,56	13,13	81,43
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	47,69	21,90	215,76	68,82	57,76
Vốn nước ngoài (ODA)	23,70	45,00	149,59	22,78	106,93
Xổ số kiến thiết	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	94,61	119,11	435,07	32,22	326,35
Vốn cân đối ngân sách xã	94,61	119,11	435,07	32,22	326,35
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	94,61	119,11	435,07	32,22	326,35
Vốn huyện hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-

8. Doanh thu bán lẻ hàng hoá

(Kèm theo Báo cáo số: 133/BC-TKT ngày 29/5/2026)

	Thực hiện tháng 4 năm 2026 (Tỷ đồng)	Ước tính tháng 5 năm 2026 (Tỷ đồng)	Cộng dồn 5 tháng đầu năm 2026 (Tỷ đồng)	Tháng 5 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	5 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tổng số	5.180,43	5.034,50	25.365,87	115,36	114,64
<i>Phân theo nhóm hàng</i>					
Lương thực, thực phẩm	1.393,22	1.286,35	6.607,74	116,92	116,00
Hàng may mặc	184,89	185,91	949,56	117,01	120,71
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	1.167,21	1.080,00	5.987,55	100,43	108,97
Vật phẩm, văn hóa, giáo dục	50,40	51,60	261,30	106,98	119,26
Gỗ và vật liệu xây dựng	201,83	205,10	958,23	86,66	98,00
Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi)	293,15	307,99	1.435,52	202,81	169,67
Phương tiện đi lại (kể cả phụ tùng)	113,75	117,61	590,61	143,30	133,59
Xăng, dầu các loại	1.270,87	1.280,95	6.037,27	119,32	110,13
Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu)	71,03	72,73	325,86	143,85	138,04
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	68,30	68,18	328,35	151,53	141,83
Hàng hóa khác	173,38	174,73	922,30	122,34	121,97
Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	192,40	203,34	961,58	102,34	100,38

9. Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác

(Kèm theo Báo cáo số: 133/BC-TKT ngày 29/5/2026)

	Thực hiện tháng 4 năm 2026 (Tỷ đồng)	Ước tính tháng 5 năm 2026 (Tỷ đồng)	Cộng dồn 5 tháng đầu năm 2026 (Tỷ đồng)	Tháng 5 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	5 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	535,33	574,80	2.576,25	119,16	115,46
Dịch vụ lưu trú	38,63	47,98	164,81	117,46	116,11
Dịch vụ ăn uống	496,70	526,82	2.411,45	119,31	115,42
Du lịch lữ hành	9,01	9,55	34,20	104,87	115,26
Dịch vụ tiêu dùng khác	826,61	843,74	4.115,67	108,43	110,02

10. Hoạt động lưu trú, du lịch, lữ hành

(Kèm theo Báo cáo số: 133/BC-TKT ngày 29/5/2026)

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 4 năm 2026	Ước tính tháng 5 năm 2026	Cộng dồn 5 tháng đầu năm 2026	Tháng 5 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	5 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
I. Dịch vụ lưu trú						
1. Lượt khách phục vụ	Lượt khách	154.844	191.899	683.713	110,73	112,37
- Lượt khách ngủ qua đêm	"	84.661	102.953	359.971	116,94	115,10
+ Khách quốc tế	"	2.044	2.740	8.810	151,05	129,48
+ Khách trong nước	"	82.617	100.213	351.161	116,22	114,78
- Lượt khách trong ngày	"	70.183	88.946	323.742	104,33	109,48
2. Ngày khách phục vụ	Ngày khách	120.834	153.090	555.595	106,84	109,66
- Khách quốc tế	"	6.625	7.633	26.196	146,65	129,18
- Khách trong nước	"	114.209	145.457	529.399	105,33	108,84
II. Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch						
1. Lượt khách du lịch theo tour	Lượt khách	2.281	2.508	8.723	107,36	114,57
- Lượt khách quốc tế	"	235	240	861	104,35	116,98
- Lượt khách trong nước	"	1.942	2.153	7.467	107,60	114,24
- Lượt khách VN ra NN	"	104	115	395	109,52	115,50
2. Ngày khách du lịch theo tour	Ngày khách	6.287	6.914	24.182	106,53	114,24
- Ngày khách quốc tế	"	520	555	2.018	103,74	114,99
- Ngày khách VN đi trong nước	"	5.485	6.054	21.084	106,94	114,27
- Ngày khách VN ra NN	"	282	305	1.080	103,74	112,38

11. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

(Kèm theo Báo cáo số: 133/BC-TKT ngày 29/5/2026)

Đơn vị tính: %

	Chỉ số giá tháng 5 năm 2026 so với:				Chỉ số giá bình quân so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc năm 2024	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	107,92	105,68	104,39	100,27	103,95
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	109,18	105,41	102,69	100,13	104,67
Trong đó:					
<i>Lương thực</i>	113,42	109,63	103,58	98,75	107,89
<i>Thực phẩm</i>	109,36	105,17	102,53	100,32	104,40
<i>Ăn uống ngoài gia đình</i>	105,79	103,34	102,69	100,36	103,39
Đồ uống và thuốc lá	101,50	100,82	100,61	100,75	100,62
May mặc, giày dép và mũ nón	113,93	112,75	102,65	98,99	112,96
Nhà ở và vật liệu xây dựng	113,03	110,70	111,28	100,91	106,23
Thiết bị và đồ dùng gia đình	103,76	101,73	101,21	99,88	101,44
Thuốc và dịch vụ y tế	100,69	100,18	100,17	100,02	100,09
<i>Dịch vụ y tế</i>	100,37	100,00	100,00	100,00	100,00
Giao thông	105,15	108,96	108,48	100,54	103,64
Bưu chính viễn thông	101,82	101,12	101,09	99,96	101,19
Giáo dục	112,12	100,86	100,17	100,17	100,73
<i>Dịch vụ giáo dục</i>	113,54	100,34	100,00	100,00	100,34
Văn hoá, giải trí và du lịch	101,58	100,78	100,83	100,00	100,87
Hàng hóa và dịch vụ khác	106,30	100,93	100,37	99,99	101,48
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	200,28	135,85	105,58	95,88	164,64
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	105,02	95,61	95,34	100,04	97,06

12. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

(Kèm theo Báo cáo số: 133/BC-TKT ngày 29/5/2026)

	Ước tính tháng 5 năm 2026 (Tỷ đồng)	Cộng dồn 5 tháng đầu năm 2026 (Tỷ đồng)	Tháng 5 năm 2026 so với tháng trước (%)	Tháng 5 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	5 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tổng số	814,83	3.909,55	102,92	118,14	114,94
Vận tải hành khách	160,94	787,69	101,27	112,98	112,27
Đường bộ	160,90	787,45	101,27	113,01	112,30
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	0,04	0,24	102,55	55,15	54,10
Đường hàng không	-	-	-	-	-
Vận tải hàng hóa	473,51	2.255,01	103,10	116,75	111,82
Đường bộ	406,73	1.926,66	103,57	118,70	113,00
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	66,35	326,45	100,29	106,01	105,31
Đường thủy nội địa	0,43	1,90	111,11	127,74	112,69
Đường hàng không	-	-	-	-	-
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	170,93	819,96	104,12	127,02	126,64
Bru chính chuyển phát	9,44	46,90	101,20	133,43	131,32

13. Vận tải hành khách và hàng hoá

(Kèm theo Báo cáo số: 133/BC-TKT ngày 29/5/2026)

	Ước tính tháng 5 năm 2026	Cộng dồn 5 tháng đầu năm 2026	Tháng 5 năm 2026 so với tháng trước (%)	Tháng 5 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	5 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	852,81	4.225,05	101,05	109,30	108,49
Đường bộ	837,54	4.146,15	101,02	109,70	109,22
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	15,27	78,90	102,55	91,39	80,11
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Triệu HK.km)	178,20	861,93	101,61	113,09	112,80
Đường bộ	178,19	861,85	101,61	113,09	112,81
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	0,02	0,08	102,55	90,59	75,57
Hàng không	-	-	-	-	-
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	3.757,44	18.723,01	102,03	111,60	109,16
Đường bộ	3.439,58	17.156,69	102,18	112,25	109,58
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	313,55	1.547,32	100,35	104,78	104,62
Đường thủy nội địa	4,32	19,00	111,12	127,75	113,03
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Triệu tấn.km)	394,04	1.902,17	101,69	110,65	107,54
Đường bộ	153,54	717,23	103,96	119,47	111,85
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	240,39	1.184,46	100,29	105,67	105,09
Đường thủy nội địa	0,11	0,47	111,11	127,74	112,99
Hàng không	-	-	-	-	-

14. Xuất, nhập khẩu hàng hóa*(Kèm theo Báo cáo số: 133/BC-TKT ngày 29/5/2026)*

	Ước tính tháng 5 năm 2026 (Triệu USD)	Cộng dồn 5 tháng đầu năm 2026 (Triệu USD)	Tháng 5 năm 2026 so với tháng trước (%)	Tháng 5 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	5 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
Trị giá Xuất khẩu	155,80	670,82	108,09	105,89	111,41
<i>Một số mặt hàng xuất khẩu</i>					
Thủy sản	0,20	0,58	-	-	-
Chè	0,30	0,93	272,73	53,57	53,76
Dăm gỗ	10,00	43,33	77,46	186,92	182,37
Hàng dệt và may mặc	4,00	16,45	104,71	73,53	73,90
Xơ, sợi dệt các loại	1,70	7,45	117,24	108,28	140,83
Thép, phôi thép	130,50	572,89	105,55	107,84	113,99
Trị giá Nhập khẩu	275,70	1.261,64	116,43	105,67	102,51
<i>Nhập khẩu từ Formosa</i>	<i>180,50</i>	<i>807,55</i>	<i>127,02</i>	<i>106,41</i>	<i>87,67</i>

15. Trật tự, an toàn xã hội*(Kèm theo Báo cáo số: 133/BC-TKT ngày 29/5/2026)*

	Đơn vị tính	Sơ bộ tháng 5 năm 2026	Cộng dồn 5 tháng đầu năm 2026	Tháng 5 năm 2026 so với tháng trước (%)	Tháng 5 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	5 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tổng số vụ tai nạn giao thông	Vụ	31	166	81,58	119,23	106,41
Đường bộ	"	31	166	81,58	124,00	107,79
Đường sắt	"	-	-	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Số người chết	Người	20	100	86,96	111,11	90,91
Đường bộ	"	20	100	86,96	111,11	90,91
Đường sắt	"	-	-	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Số người bị thương	Người	24	132	85,71	150,00	183,33
Đường bộ	"	24	132	85,71	160,00	185,92
Đường sắt	"	-	-	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Số vụ cháy, nổ	Vụ	5	30	55,56	55,56	103,45
Số người chết	Người	-	1	-	-	-
Số người bị thương	"	-	2	-	-	100,00
Tổng giá trị tài sản thiệt hại	Tr.đồng	169,66	3.662,98	38,00	22,36	113,27